

Bản án số: 12/2025/HSPT
Ngày: 07-01-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Thẩm phán:

- Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang
- Bà Đoàn Thị Hương Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 360/2024/TLPT-HS Ngày 15/10/2024 đối với bị cáo Lê Việt T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2024/HS-ST Ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Việt T, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: xxx/xx/xx Ấp X, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông LVX và bà PTN; Bị cáo sống chung như vợ chồng với ĐCN và có 01 con: sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ 07/12/2023. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Quang Tấn, Công ty Luật TNHH Hi law và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Việt T và chị ĐCN, sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung, do thường xuyên mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng

Ngày nên từ tháng 8/2023 đến nay, N và T đã không còn sống chung với nhau. Do nghi vấn N đang có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nên ngày 02/12/2023, T giả vờ mượn xe mô tô hiệu Honda Vision biển số xxxx-xxx.xx của N để đi đón con chung của T với N nhưng thực tế T đi đến tiệm sửa xe mô tô địa chỉ yyy/yy đường LVK, khu phố Y, phường HT, Quận E lắp Thét bị định vị trên xe mô tô của N để theo dõi N bằng ứng dụng trên điện thoại di động.

Khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 06/12/2023, T ở nhà, xem định vị xe của N thì xác định vị trí N là tại khách sạn “TL” (địa chỉ XXX/X, đường LVK, khu phố I, phường TA, Quận I) nghi vấn N đang ở cùng người đàn ông khác tại đây nên T điện thoại cho Nguyễn Thành Th là người chạy xe GrabBike (T mới quen biết vào ngày 05/12/2023), thuê Th chở T đến khách sạn “TL” với mục đích đánh ghen và khi đi T lấy 01 con dao giấu trong túi áo. Trên đường đi, T điện thoại cho Đặng Quốc T (là em họ của N) rủ đi công việc nhưng không nói rõ đi đâu thì T. đồng ý và hẹn gặp ở cầu Dừa, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng Ngày, T. điều khiển xe mô tô chạy đến cầu Dừa, rồi cùng với T đi đến khách sạn “TL” thì lúc này T nói cho mọi người biết là đi đánh ghen N. Khi đến khách sạn, T. và Th đứng bên ngoài, còn T đi vào trong quan sát thì thấy xe mô tô biển số xxxx-xxx.xx của N để tại khu vực để xe trong khách sạn “TL”. T đến gặp nhân viên lễ tân là TTX để xin cho vào bên trong tìm N nhưng không được chấp nhận, T đi ra ngoài nhờ Th vào khách sạn “TL” thuê 01 phòng với mục đích tìm xem N ở phòng nào, còn T và T. đứng bên ngoài đợi nhưng Th không tìm được phòng N thuê.

T đứng bên ngoài cổng khách sạn đợi đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng N thì nhìn thấy N cùng 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) đi từ cầu thang trên lầu xuống đến khu vực để xe. T lấy dao (đã cất giấu trong người từ trước) cầm bằng tay phải chạy vào nơi N đang đứng, dùng tay trái chụp lấy áo của N kéo về phía T, tay phải cầm dao đâm 01 cái vào vùng bụng của N nhưng vướng túi xách N đang cầm trên tay nên không trúng, không gây thương tích. T giật lấy túi của N nhưng không được nên đẩy N ngã xuống nền khách sạn, cất dao vào túi áo, rồi dùng tay trái nắm tóc N kéo lê người N ra phía trước khách sạn. N giằng co lại thì bị T dùng tay tát 01 cái vào mặt, đồng thời T lấy dao từ trong túi áo ra để sát vào cổ N đe dọa kêu N đứng im và nói N đưa vàng đang mang trên người cho T nhưng N không đưa. T dùng tay trái giữ lấy tay phải đang đeo chiếc vòng vàng loại 18k của N, rồi dùng tay phải nắm vuốt chiếc vòng vàng ra khỏi cổ tay N, và bỏ vào túi áo. Sau đó T giật tiếp bộ vòng xi men vàng loại 18k N đang đeo ở cổ tay trái nhưng do bộ vòng có nhiều chiếc không vuốt ra được mà chỉ có 01 chiếc bị gãy nên T cất vào túi áo. Tiếp theo, T tiếp T.c dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền vàng loại 18K có gắn mặt hình phật mà N đang đeo trên cổ cất vào túi áo, rồi dùng tay trái đưa vào túi quần bên trái của N giật lấy 01 điện thoại di động hiệu Redmi và lấy remote xe mô tô xxxx-xxx.xx trong túi quần bên phải của N. Lúc này, Th từ trên lầu đi xuống, giật lấy con dao T đang cầm trên tay. Sau khi chiếm đoạt tài

sản của N, T kêu Th chở T đến quán cà phê “BM” gần cầu BM, xã ĐT, huyện HM, đến nơi thì T trả tiền cho Th, sau đó Th đi đâu không rõ, còn T. đi về nhà. Khoảng 23 giờ cùng Ngày, T thuê xe GrabBike khác chở về nhà. Đến sáng ngày 07/12/2023, T bị Công an Quận 12 phát hiện lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lê Việt T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản 67/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 12 kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11s; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có mặt phật màu xanh; 01 vòng ximen bằng kim loại màu vàng; 01 chiếc lắc tay màu vàng bằng kim loại với tổng trị giá là 36.090.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: chị ĐCN đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Bản án hình sự sơ thẩm số 225/2024/HSST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh đã tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Việt T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ Ngày 07/12/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, bị cáo Lê Việt T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Việt T giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Việt T phạm tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau xét xử bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định, nên hợp lệ. Xét về kháng cáo của bị cáo: Nhận thấy bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tài sản đã trả lại cho bị hại, có 2 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng cho bị cáo khoản 1 Điều 54 xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố T.ng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Việt T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa

án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Xử phạt bị cáo Lê Việt T mức hình phạt từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo Lê Việt T sống như vợ chồng với bị hại, bị cáo có nhận thức kém và cũng chỉ vì lý do ghen tuông mới thực hiện hành vi phạm tội. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo là lao động chính, nuôi cả con chung của bị cáo và bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Lê Việt T không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để có thể sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh T.ng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 9 năm 2024, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Việt T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: ĐCN và bị cáo Lê Việt T sống chung với nhau như vợ chồng, do nghi ngờ chị N có mối quan hệ với người khác. Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 06/12/2023 tại khách sạn TL, bị cáo T nhìn thấy chị N. Bị cáo đã có hành vi dùng tay tát vào mặt chị N ngã xuống đất, dùng dao kề vào cổ đe dọa và giật lấy vòng đeo tay, dây chuyền đang đeo trên cổ và 01 chiếc điện thoại di động của chị ĐCN theo Bản kết luận định giá tài sản 67/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố T.ng hình sự Quận 12 kết luận tổng trị giá là 36.090.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Lê Việt T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người đúng pháp luật.

Trong vụ án này, tài sản của bị hại mà bị cáo chiếm đoạt được đã được thu hồi trả lại cho bị hại, không phải là tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Việt T cung cấp Bản tường trình của bị hại ĐCN xin Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T do bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo T: Nguyên nhân bị cáo phạm tội là do bị cáo nhận thức rằng tài sản là của hai vợ chồng do bức tức ghen tuông nên bị cáo đã phạm tội. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, mức hình phạt 07 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có phần nghiêm khắc, nên xem xét cho bị cáo mức hình phạt phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ tội phạm mà bị cáo gây ra, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Từ những lập luận trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo Lê Việt T là có cơ sở nên được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố T.ng hình sự.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và một phần quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[4] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Lê Việt T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố T.ng hình sự:

Sửa bản án sơ thẩm số 225/2024/HSST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Việt T 05 (năm) tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ Ngày 07/12/2023.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố T.ng Hình sự, Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Việt T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- PV06 - CA Tp.HCM; (1)
- VKSND Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (1)
- Chi cục THADS Quận 12; (1)
- Công an Quận 12; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (20). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân